

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ MAI*

Ngày nhận bài: 23/04/2017; ngày sửa chữa: 24/04/2017; ngày duyệt đăng: 25/04/2017.

Abstract: Developing communicative skills and cultural behaviours for students at ethnic boarding schools is required because the students at these schools come from many regions with diverse cultures. Cultural behaviors create a friendly atmosphere in class and improve personality of students and thus promote students in learning. In this article, author proposes solutions to improve communicative skills and cultural behaviours for students at ethnic boarding schools in our country today based on the analysis of the role of agents affecting education such as school, family and society.

Keywords: solutions, cultural behaviours, boarding school, students.

1. **Giáo dục văn hóa giao tiếp (GDVHGT)** là việc cần thiết và cấp bách, nhất là trong xã hội và môi trường giáo dục của chúng ta hiện nay. Nhìn xa hơn và xét trong một bối cảnh rộng hơn, **văn hóa giao tiếp (VHGT)** là một phương diện trong toàn bộ hoạt động giao tiếp của con người. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục là hình thành con người - giao tiếp, tức con người có năng lực giao tiếp bao gồm giao tiếp với người khác và giao tiếp với chính mình. Cái gốc trong VHGT của con người - giao tiếp ấy chính là sự phong phú của đời sống tinh thần và những giá trị đạo đức mà mỗi cá nhân có được.

2. Để GDVHGT cho học sinh (HS) các trường dân tộc nội trú mang lại hiệu quả và thực sự có ý nghĩa thiết thực, cần có những giải pháp mang tính định hướng, có tính khả thi nhất định và được thực hiện phối hợp từ nhiều phía. Cụ thể:

2.1. Về phía nhà trường. GDVHGT trong nhà trường không nên chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường (tất nhiên nhà trường chịu trách nhiệm chính) mà còn phải mở rộng phạm vi từ gia đình đến xã hội. Ngay từ nhỏ, gia đình đã có vai trò rất lớn trong việc hình thành VHGT cho con cháu. Ông, bà, cha mẹ là những thầy cô giáo đầu tiên hướng dẫn cách giao tiếp có văn hóa cho con, cháu (đi chào, về hỏi, gọi dạ, bảo vâng một cách có lễ phép). Bài học vào đời ấy sẽ được tiếp tục củng cố và phát triển thêm với những nội dung phong phú, mức độ cao hơn ở các bậc học tiếp theo. Có thể thấy rằng, GDVHGT là không hề giới hạn bởi cấp học nào, bởi thời gian, không gian nào mà cần phải được tiến hành ở tất cả các bậc học, ở mọi lúc, mọi nơi, phải tiến hành một cách đồng bộ, nhất quán, tiến hành có nội dung, có kế hoạch, có phương pháp và thật kiên trì thì mới có hiệu quả. Nếu thiếu nhất quán sẽ xảy ra tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” thì sẽ phản tác dụng. Không thiếu trường hợp ở nhà, ở trường thì “con ngoan, trò giỏi”, ra ngoài xã hội lại vi phạm đạo đức, pháp luật. Phải chăng đó một phần là do tình trạng giáo dục không đồng

bộ, nhất quán, thiếu sự giám sát chặt chẽ. Vì vậy sự liên kết, phối hợp trong giáo dục là rất quan trọng.

Cần hết sức chú ý và coi trọng đúng mức đến vai trò của giáo viên (GV) ở tất cả các bậc học, các môn học. Không được “ủy quyền” toàn bộ cho GV ở những môn học có ưu thế hơn như: *Giáo dục công dân* ở phổ thông, hay *Tâm lí học*. Đành rằng ở các môn học đó có phần ưu thế, nhưng nếu chỉ phó thác toàn bộ cho họ mà thiếu sự đồng tâm, hiệp lực của nhiều GV của nhiều môn học khác nữa thì chắc chắn kết quả sẽ không cao. Tuy nhiên, cũng phải thấy được ưu thế của các môn học đó và các môn thuộc ngành khoa học xã hội và nhân văn khác để có phương pháp khai thác và phối hợp có hiệu quả.

Nhà trường cần xây dựng chương trình có nội dung thật phong phú, hấp dẫn. Đó là những bài học giao tiếp đa chiều giữa nhiều đối tượng (HS - GV, HS - HS, GV - GV, HS - cán bộ công nhân và ngược lại), giao tiếp trong nhiều môi trường (trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ngoài trường...), trong nhiều hình thức dạy học (chính khóa, ngoại khóa, sinh hoạt câu lạc bộ...) với những cách thức, tình huống ứng xử sự phạm khác nhau...

Cần thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục trong sinh hoạt tập thể, đây là môi trường thuận lợi để các bạn HS được rèn luyện thói quen giao tiếp có văn hóa. Trong quá trình giáo dục cần tổ chức các hoạt động tập thể thích hợp để lôi cuốn HS tham gia, kích thích các bạn tự nguyện, tự giác, chủ động liên kết với nhau cùng tham gia hoạt động chung. Cần tạo ra dư luận tập thể lành mạnh trong HS nhằm hoan nghênh và ủng hộ những nhận thức, hành vi đúng đắn, ngăn chặn, lên án những hành vi sai trái.

Phải qua chương trình giao tiếp văn hóa, làm cho HS có thái độ thẩm mĩ và trách nhiệm đối với lời nói và hành động. Nhà trường phải dạy cho HS hiểu rằng lời nói hay, lời nói đẹp là biểu hiện về đẹp tâm hồn của con người. Lời nói có

* Học viên cao học K25 - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

giá trị được chất lọc từ tâm hồn trong sáng, nhân hậu của con người có văn hóa.

Nhà trường thường xuyên bổ sung nguồn tài liệu đầy đủ, phong phú, cả trong và ngoài nước và thường xuyên cập nhật và bổ sung tài liệu đáp ứng yêu cầu tra cứu của GV và HS. Trang bị hệ thống trang thiết bị dạy học phong phú, đồng bộ, hiện đại như máy chiếu, máy quay... và các phương tiện dạy học khác. Nhà trường cần đưa VHGT trở thành một môn học bắt buộc với HS, phải tăng số thời gian kiến tập, thực tập để HS có thể tiếp xúc nhiều với thực tế hơn, biết vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy. Mặt khác, cần cụ thể hóa những kĩ năng (KN) giao tiếp văn hóa thành một hệ thống vừa là yêu cầu để HS rèn luyện và phấn đấu, vừa là các tiêu chuẩn xem xét, đánh giá, kiểm tra. Có như vậy, HS sẽ tích lũy cho mình một vốn kinh nghiệm nhất định khi giao tiếp.

Trong môi trường sư phạm, cần chống những lối nói thô tục, suồng sã, những thái độ, hành vi gây phản cảm có lúc xúc phạm đến người khác; đồng thời cũng nên tránh những lối giao tiếp hoa mỹ, cầu kì. Phải dạy cho HS biết xúc cảm, đồng cảm, chia sẻ, có ý thức trách nhiệm trong công việc. Phải biết tôn trọng và có ý thức giữ gìn bảo vệ những giá trị của “Chân, Thiện, Mĩ”, đồng thời kiên quyết chống lại tất cả những gì phản lại “Chân, Thiện, Mĩ”. Nhà trường phải giáo dục cho HS ý thức tự giác, tự nguyện làm theo những chuẩn mực của cái đẹp, từ lời ăn, tiếng nói, tác phong trong sinh hoạt đến lối sống đều hướng đến những “Chân, Thiện, Mĩ”.

Trong thời đại ngày nay, việc mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác, hòa nhập với thế giới bên ngoài là một tất yếu. Trong cuộc giao lưu ấy phải biết “gạn đục khơi trong” để chất lọc được những tinh hoa văn hóa nhân loại, bổ sung, làm phong phú thêm cho truyền thống văn hóa dân tộc. Cho dù thế giới có hiện đại, có tân tiến bao nhiêu chăng nữa thì chúng ta cũng phải giữ vững được cốt cách, bản lĩnh, bản sắc Việt Nam trong VHGT, vẫn hết sức coi trọng những giá trị văn hóa truyền thống.

Tóm lại, GDVHGT, đạo đức học đường, văn hóa học đường là nhằm xây dựng không gian văn hóa học đường thật sự trong lành, tốt đẹp có sức cảm hóa, sức hấp dẫn, sức lan tỏa để đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt những cái phi văn hóa từ trong nhà trường đến ngoài xã hội. Để thực hiện được mục tiêu cao quý đó, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ trên tinh thần cộng đồng trách nhiệm cao và sự quyết tâm, bền chí giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội khác, trong đó vai trò của nhà trường, đặc biệt nhiệm vụ của GV là cực kì to lớn.

2.2. Về phía GV. GDVHGT không chỉ là nền để hoạt động dạy học diễn ra mà chính thông qua giao tiếp giữa GV với HS và giữa HS với nhau, HS không chỉ lắng nghe lời giảng của GV mà tích cực độc lập suy nghĩ, tìm tòi, khám phá chia sẻ thông tin để từng bước đạt được những nhiệm

vụ do GV đưa ra, từng bước tiếp thu những tri thức, KN mà họ cần lĩnh hội.

Trong các giờ học về VHGT, GV cần hình thành và phát triển mối quan hệ tích cực giữa người học với nhau; cần tạo điều kiện để HS có cơ hội giao tiếp với nhau một cách tích cực, thu hút sự chú ý của người học tập trung vào nội dung cần lĩnh hội; khuyến khích HS tham gia vào các hoạt động học tập, phát huy được khả năng học tập của HS, kích thích thi đua lành mạnh trong lớp, chú ý tới sự phối hợp giữa các thành viên, cách ứng xử linh hoạt trong các hoàn cảnh cụ thể. GV là người trực tiếp thực thi nhiệm vụ cao quý “*Vì lợi ích trăm năm trồng người*” cho xã hội, vì vậy, trước hết họ phải là “tấm gương sáng” cho HS soi vào. Trong vấn đề GDVHGT, đạo đức học đường, văn hóa học đường cho HS, thì bộ mặt văn hóa tinh thần của GV phải thật sáng sủa (tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm... trong sáng). Rõ ràng, muốn dạy người khác làm người thì trước hết người dạy phải là con người chân chính và có nhân cách tốt. Trong giáo dục, nhân cách của người thầy có ảnh hưởng rất lớn đến HS. “*Tôn sư trọng đạo*” sẽ giảm khi người thầy “có vấn đề”. Chỉ cần khiếm khuyết một trong những vấn đề thuộc về đạo đức, nhân cách của người thầy, hiệu quả của giáo dục sẽ bị giảm sút, thậm chí không có kết quả, phản tác dụng: tư tưởng (lệch lạc, bảo thủ, cá nhân), lối sống (bê tha, buông tuồng), tư cách (không đứng đắn)... hoặc thiếu tâm huyết với nghề, chỉ coi nghề dạy học là nghề phụ mà nghề chính là các phương tiện kiếm sống khác, hay thầy chưa thể “tất cả vì HS thân yêu”... đều là những điều phản cảm trong giáo dục.

Nếu cách cư xử của GV trên lớp cũng như ngoài lớp luôn luôn được cân nhắc thận trọng thì hiệu quả giáo dục sẽ rất cao. HS luôn “theo dõi”, giám sát, học tập thầy cô ở tất cả mọi phương diện trong cuộc sống.

Để phát huy tính tích cực của HS mỗi bộ môn đều có thể mạnh riêng phù hợp với đặc trưng của môn đó. Giao tiếp văn hóa là bộ môn nghiệp vụ nên số giờ thực hành nhiều. Do đó, GV phải cung cấp cho HS hệ thống tri thức khoa học về quá trình giao tiếp như nguyên tắc, phong cách, nội dung giao tiếp văn hóa... Trên cơ sở những hệ thống tri thức trên mà giúp HS hình thành các nhóm KN giao tiếp văn hóa như KN định hướng, định vị và khả năng sử dụng phương tiện giao tiếp. Những KN này là không thể thiếu để HS thực hiện thành công quá trình giao tiếp văn hóa.

Thông qua các giờ học về VHGT trên lớp, GV phải thường xuyên đưa ra các tình huống sư phạm. Việc tổ chức cho HS giải quyết các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong môi trường sư phạm, phải làm cho HS đặt mình vào hoàn cảnh của GV để giải quyết các vấn đề. Hướng dẫn HS tập định hướng, định vị sau đó xác định những tác động cần có, dự kiến đạt được và xem nên sử dụng phương tiện

giao tiếp nào là hợp lí. Như vậy các nhóm KN giao tiếp văn hóa đều có thể được rèn luyện thông qua các tình huống sư phạm. Tình huống sư phạm luôn chứa đựng một vấn đề (mâu thuẫn). Đây là tiền đề rất quan trọng để kích thích khả năng tư duy của HS. Để kích thích được khả năng tư duy của HS, GV phải tạo ra được tình huống có vấn đề từ một tình huống sư phạm nào đó. Mỗi tình huống sư phạm có thể có nhiều cách xử lí, cách xử lí sẽ hợp lí nếu áp dụng vào đối tượng phù hợp. Mỗi tình huống sư phạm nếu thay đổi một vài chi tiết hoặc thay đổi đối tượng sẽ có tình huống sư phạm mới. Như vậy, tình huống sư phạm liên tục được đặt ra, thách thức trí tuệ của HS. Quá trình giải quyết tình huống là cơ hội rất thuận lợi để tạo ra tranh luận giữa HS và HS, HS và GV. Đó là cơ hội tốt để mỗi HS rèn luyện khả năng diễn đạt, bộc lộ tính độc lập và khả năng sáng tạo.

Đối với việc giảng dạy bộ môn về VHGT, để có thể thu hút được sự hứng thú của HS, GV phải thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học. Chúng ta đều biết rằng, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của HS là một trong những tác động quan trọng giúp HS tích cực học tập. Với việc giảng dạy KN giao tiếp, GV không chỉ tác động đến nhận thức của HS mà còn giúp hình thành các KN. Vì vậy, GV không chỉ giảng những tiết lí thuyết thuần túy mà phải tăng cường thực hành. Ngược lại, khi không tăng cường thực hành, môn học sẽ trở nên nhàm chán, không tạo được hứng thú cho HS.

Để tăng sự hấp dẫn trong nội dung bài học, GV cần giảm nội dung lí thuyết, tăng số tiết của các giờ thực hành. Điều này yêu cầu GV phải biết lồng ghép, tích hợp các nội dung kiến thức và KN. Biết vận dụng các kiến thức lí thuyết vào thực tiễn cuộc sống để giảm sự nhàm chán cho HS. Trong quá trình giảng dạy phải biết sử dụng các trò chơi từ đó rút ra các bài học để tăng sự sinh động, hứng thú cho bài giảng.

Thường xuyên giao bài tập, tăng cường thực hành cho HS. Chỉ khi HS được đặt vào tình huống có vấn đề thì HS mới tự giác và tích cực học tập. Mặt khác, khi học tập trên lớp, số lượng HS quá đông, GV không thể kiểm soát được việc học tập của HS. Thông qua việc giao bài tập về nhà giúp HS đọc lập làm bài và tự hình thành cho mình những KN cần thiết.

Tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi về phương pháp học tập cho HS. Với môn học này, một môn học khá mới với HS nên phương pháp tọa đàm là cần thiết để HS có sự điều chỉnh cho phù hợp. Việc trao đổi sẽ giúp giải đáp thắc mắc, định hướng lại giá trị cho bản thân.

2.3. Về phía HS

HS phải ý thức được việc học tập ở đại học chủ yếu bằng phương pháp tự học, tự giáo dục là chính, vì vậy cần

tăng cường tính tích cực trong học tập. HS phải xác định cho mình động cơ, thái độ đúng đắn với việc GDVHGT văn hóa cho bản thân, nhận thức được tầm quan trọng của các KN giao tiếp trong cuộc sống, phải thấy được giao tiếp là nhân tố quan trọng trong việc quyết định đến sự thành bại khi ta tiến hành công việc. Hơn nữa, giao tiếp đúng hoàn cảnh, đúng tình huống, đúng đối tượng sẽ làm cho bản thân mình đẹp hơn, lịch thiệp hơn trong mắt người khác. Từ đó, hình thành một phương pháp rèn luyện phù hợp, rèn luyện trong lớp, trong trường và ngay cả khi ra ngoài xã hội.

Tích cực tham gia các lớp học về VHGT do nhà trường tổ chức, tham gia với tinh thần nhiệt tình, say mê. Tích cực giao lưu, mở rộng các mối quan hệ trong lớp, trong trường bằng việc tham gia các cuộc thi, hội nghị. Các tổ chức, hoạt động diễn đàn là dịp tạo điều kiện cho HS được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề quan tâm trong cuộc sống, đồng thời là dịp lồng ghép nội dung giáo dục nhân cách, GDVHGT cho HS.

Ngoài việc tham gia học tập trên lớp, HS phải tự rèn luyện ở nhà, đặc biệt là những KN giao tiếp cơ bản. Nếu thực hành tốt những KN này HS sẽ cảm thấy được nhiều thành công trong giao tiếp của mình và những thành công đó sẽ giúp HS hứng thú hơn với hoạt động giao tiếp. Học tập những KN giao tiếp thì lượng kiến thức không quá nhiều mà chủ yếu tập trung vào việc hình thành: KN thuyết trình, KN nói, KN lắng nghe... Với từng bài học như vậy sẽ có hoạt động thực hành ở nhà cho từng bài học để HS có thể trải nghiệm ngay những kiến thức đã được tìm hiểu trên lớp.

Luôn biết liên hệ bài học với thực tiễn cuộc sống: những KN trong VHGT luôn gắn liền với tri thức trong cuộc sống. Mục tiêu cuối cùng là hình thành cho HS các KN và thái độ đúng đắn trong giao tiếp và ứng xử hàng ngày. Việc vận dụng tri thức lí thuyết vào thực tiễn cuộc sống sẽ là cơ hội tốt cho HS thực hành, từ đó hình thành những KN tốt, sau đó sẽ là những thái độ phù hợp và dần dần có thể hình thành những thói quen cư xử, giao tiếp khéo léo, lịch sự.

Mỗi HS có ý thức học tập không ngừng, có tinh thần cầu thị, có chí tiến thủ. Không chỉ học tập tri thức chuyên môn mà học cả các KN mềm, trong đó giao tiếp văn hóa là một yếu tố quan trọng. Để có thể giao tiếp tự tin, lịch sự, thân thiện, các bạn HS học tập ở mọi lúc, mọi nơi, học tập trong trường và cả ngoài xã hội. Luôn tôn trọng bạn bè, thầy cô giáo. Điều đó được thể hiện thông qua lời nói, cử chỉ, điệu bộ. Thường xuyên chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè khi họ gặp chuyện buồn và khó khăn. Phải biết khiêm tốn, tích cực học hỏi những điểm tốt của bạn bè. Mặt khác phải biết đoàn kết với nhau để tạo thành một tập thể vững mạnh, góp phần tạo ra môi trường đoàn kết, thân ái.

Luôn có ý thức rèn luyện bản thân trong học tập cũng như trong những lời nói, cử chỉ khi giao tiếp với mọi người để trở thành những người có văn hóa. Trong cách ăn mặc phải giản dị, gọn gàng, sạch sẽ. Cởi mở, chan hòa, đoàn kết với mọi người, với tập thể, lịch sự, tế nhị trong giao tiếp với người khác, thiện chí trong quan hệ với mọi người, biết chia sẻ tình cảm và sẵn lòng giúp đỡ mọi người khi gặp khó khăn. Trung thực, thẳng thắn, chân thành với mọi người, biết hợp tác với mọi người, quan hệ giao tiếp lành mạnh, tôn trọng khoan dung đối với người khác, quan tâm đến nhu cầu lợi ích của mọi người xung quanh.

Tích cực sưu tầm, đọc tài liệu về các KN giao tiếp. Các tài liệu học tập bên ngoài về VHGT là nguồn thông tin quan trọng giúp HS nắm vững bản chất vấn đề cũng như hiểu sâu sắc hơn những kiến thức đã được tiếp cận trên lớp. Có như vậy mới giúp các em rèn luyện, hình thành và phát triển KN giao tiếp có văn hóa, góp phần hoàn thiện nhân cách của mình.

Nhân cách của mỗi người được thể hiện ra qua quá trình học tập và cả quá trình giao tiếp với mọi người xung

quanh. Do vậy, để có thể GDVHGT cho HS các trường nội trú cần chú trọng phát triển toàn diện, tất cả các mặt và cần phải có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa gia đình - nhà trường - xã hội, đặc biệt từ chính bản thân người học. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo điều kiện làm tốt công tác GDVHGT nói riêng và giáo dục nói chung. Điều này tất yếu dẫn đến sự phát triển của xã hội trong tương lai ngày càng tốt đẹp hơn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới (Đại hội VIII, IX, X)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Trần Bình (2007). *Văn hóa các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc*. NXB Khoa học xã hội.
- [3] Thành Duy (2006). *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa Việt Nam: Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Phạm Minh Hạc (1996). *Phát triển văn hóa - giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc kết hợp với tinh hoa nhân loại*. NXB Khoa học xã hội.
- [5] Vi Hoàng (2008). *Nét đẹp phong tục các dân tộc thiểu số*. NXB Văn hóa Dân tộc

Tổng quan nghiên cứu quản lí...

(Tiếp theo trang 12)

- [3] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2015). *Đổi mới đánh giá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 122, tr 1-4; 22.
- [4] Hoàng Hòa Bình (2015). *Năng lực và cấu trúc của năng lực*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 117, tr 4-7.
- [5] Nguyễn Vũ Bích Hiền (2014). *Tiếp cận năng lực trong đánh giá giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Đỗ Ngọc Thống (2011). *Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 68, tr 20-26.
- [7] Nguyễn Công Khanh (chủ biên, 2014). *Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Phạm Văn Hòa (2011). *Dạy và học tiếng Anh theo các mục đích cụ thể ở Việt Nam giai đoạn 2010-2010 từ góc nhìn thực tiễn và hướng chiến lược của Đề án ngoại ngữ quốc gia*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 12, tr 1-5; 36-37.
- [9] Tôn Nữ Mỹ Nhật (2013). *Dạy Toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh: Cơ hội và thách thức*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 5, tr 17-22.
- [10] J. Richard - T. Rodger (2001). *Approaches and*

methods in language teaching. New York, NY: Cambridge University Press.

- [11] Paprock, K. E. (1996). *Conceptual structure to develop adaptive competencies in professional*. IPN Ciencia, Arte: Cultura, Nueva Epoca, 2 (8), 22-25.
- [12] R.E. Boyatzis (1982). *The competent manager: A model for effective performance*. John Wiley and Sons, New York, NY.
- [13] J. Dearden (2014). *English as a medium of instruction - a growing global phenomenon*. Oxford University Press, Oxford, England.
- [14] Andy Kirkpatrick (2014). *English as a medium of instruction in East and Southeast Asian universities*. Griffith University, Australia.
- [15] S. Bax (2010). *Researching English bilingual education in Thailand, Indonesia and South Korea*. British Council, Malaysia.
- [16] Mohamad Fadhili Bin Yahaya et all (2009). *Teaching of Mathematics and Science in English: The teachers' voices*. English Language Teaching, 2, 2.
- [17] Faizah Mohamad Nor - Marzilah A. Aziz - Kamaruzaman Jusoff (2011). *Should English for teaching Mathematics and Science (ETeMS) in Malaysia be abolished?* World Applied Sciences Journal 12, 36-40.
- [18] Masafumi Nagao - John M. Rogan - Marcelita Coronel Magno (2007). *Mathematics and Science education in developing countries: Issues, experiences, and cooperation prospects*. UP Press.